TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2023
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thưởng.

2. Bà Võ Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về *"tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 182/4/2 ĐT, Phường C, Quận X, TP. HCM.

Tạm trú: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Quan T L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 15 Lô B, Khu dân cư TVX, ấp P, xã T, TP. S, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Nguyễn Đ S, sinh năm 2006.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Ông T là người đại diện cho cháu S)

3.2. Nguyễn T H, sinh năm 2012.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Bà L là người đại diện cho cháu H).

3.4. Bà Nguyễn Thị T A, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 182/4/2 ĐT, Phường C, Quận X, TP. HCM.

3.5. Ông Nguyễn V V, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Ông T, bà L có mặt tại phiên tòa; Bà A và ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/5/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đ T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đ T và bà Quan T L được sự tác hợp của gia đình rồi tiến tới hôn nhân từ năm 2002. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận X, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 007, ngày 30/01/2002.

Trong thời gian đầu sống chung, vợ chồng đầm ấm, hạnh phúc. Đến khoảng

năm 2016 cho đến nay, thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Dù đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được. Ông T yêu cầu ly hôn với bà L.

- Về con chung: Ông Nguyễn Đ T và bà Quan T L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Đ S, sinh ngày 21/7/2006 và cháu Nguyễn T H, sinh ngày 21/12/2012. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu S, H, không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2023, Đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung ngày 06/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Quan T L trình bày:**

- Về hôn nhân: Thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn đúng như ông Nguyễn Đ T trình bày. Nay ông Tùng khởi kiện yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung đúng như ông T trình bày. Khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn T H, giao cháu Nguyễn Đ S cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có tạo lập được khối tài sản chung là một căn nhà cất nhờ trên phần đất của chị ruột ông Tùng là bà Nguyễn Thị T A, sinh năm 1966, ngụ tại số 182/4/2 ĐT, Phường C, Quận X, TP. HCM. Căn nhà cất vào khoảng năm 2021, tọa lạc tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, kết cấu là nhà tiền chế hiện đang kinh doanh quán cơm. Bà L yêu cầu ông T hoàn lại ½ giá trị căn nhà cho bà, tương đương số tiền là 60.000.000 đồng. Ngoài ra các vật dụng trong gia đình do bà L mua, bà L yêu cầu được mang đi.

- Về nợ chung: Trong thời điểm cất nhà, bà L có mượn của ông Nguyễn V V, sinh năm 1965, ngụ ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang số tiền 60.000.000

đồng để đưa cho ông T chi trả chi phí làm nhà. Nay bà yêu cầu ông T chia cho bà ½ giá trị căn nhà, số nợ này bà tự nguyện chịu và tự giải quyết với ông V không liên quan gì đến ông Nguyễn Đ T.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V V trình bày:**

Ông và bà Quan T L không quen biết gì, chỉ có gặp mặt một, hai lần thông qua ông Hồ V L1 do ông L1 và bà L có quen biết từ trước. Hoàn cảnh gia đình ông khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, hàng tháng chi phí sinh hoạt phải phụ thuộc vào tiền trợ cấp xã hội của Nhà nước. Hoàn toàn không có việc ông cho bà L mượn số tiền 60.000.000 đồng như bà Quan T L trình bày. Đồng thời ông V đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng và giải quyết vụ án vắng mặt ông.

*** Tại Tờ tường trình ngày 24/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T A trình bày:**

Bà có đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một thửa đất số 10xx, tờ bản đồ C5, diện tích xxxm^2, tọa lạc tại ấp M, xã P. Lúc em trai của bà là ông Nguyễn Đ T và 02 cháu Nguyễn Đ S và Nguyễn T H đang ở trọ trên TP. Hồ Chí Minh, chổ ở không ổn định nên 02 cháu S, H không được đi học đến nơi, đến chốn phải thường xuyên nghỉ học khi thay đổi chổ ở nên bà có nói ông T về cất nhà ở trên thửa đất trên để ở. Bà nhiều đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho ông Nguyễn Đ T với số tiền khoảng 100.000.000 đồng để ông T mua vật tư đổ đất, san nền, cất nhà để ở tạm, ổn định cuộc sống. Đồng thời, bà A cũng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

*** Tại Tờ tường trình ngày 14/7/2023, ông Nguyễn Đ T trình bày:**

Việc bà L mượn tiền của ông Nguyễn V V 60.000.000 đồng để đưa ông cất nhà là hoàn toàn không có. Từ năm 2020 đến tháng 5/2021, bà L chưa một lần về nơi cất căn nhà đang ở hiện nay.

Từ tháng 9, tháng 10/2020 cho đến khi làm xong căn nhà, bà Nguyễn Thị T

A nhiều lần đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản cho ông số tiền 100.000.000 đồng để ông làm nhà ở nhờ trên đất. Sau đó ông và 02 cháu Nguyễn Đ S, Nguyễn T H được bà A đồng ý cho đăng ký tạm trú tại căn nhà này cho đến nay, trong sổ tạm trú hoàn toàn không có tên bà L đăng ký tạm trú.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

Nguyên đơn ông Nguyễn Đ T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà Quan T L.

- Về con chung: Đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đ S. Đối với cháu Nguyễn T H, có nguyện vọng ở với bà L, ông đồng ý. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông và bà L không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Quan T L đồng ý ly hôn và giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu ông T hoàn trả cho bà ½ giá trị căn nhà là 60.000.000 đồng. Về nợ chung: không có.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, cho ông T ly hôn với bà L.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung giữa ông T và bà L là cháu Nguyễn Đ S, sinh ngày 21/7/2006 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung giữa ông T và bà L là cháu Nguyễn T H, sinh ngày 21/12/2012

cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do không có ai yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Ngày 06/7/2023, bị đơn bà Quan T L có yêu cầu phản tố chia tài sản chung giữa bà và ông T, yêu cầu ông T hoàn trả cho bà ½ giá trị căn nhà là 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án đã thông báo cho bà phải nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản tranh chấp nhưng bà không nộp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố chia tài sản chung của bà L. Nếu sau này, bà Loan có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì có thể khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về nợ chung: Bà L trình bày có nợ ông Nguyễn V V số tiền 60.000.000 đồng, là tiền mượn để đưa cho ông T trả chi phí làm nhà. Tuy nhiên việc này không được ông T và ông V thừa nhận. Tại phiên tòa bà L cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn ông Nguyễn Đ T yêu cầu ly hôn với bà Quan T L; bà Loan có nơi tạm trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Đồng thời bà L có yêu cầu phản tố chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *"tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn

Thị T A và ông Nguyễn V V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự nêu trên.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Đ T và bà Quan T L được sự tác hợp của gia đình rồi tiến tới hôn nhân từ năm 2002. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận X, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 007, ngày 30/01/2002. Như vậy, hôn nhân giữa ông T và bà L là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, cả ông T và bà L thừa nhận thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống đầm ấm, hạnh phúc. Từ năm 2016 thì giữa ông T và bà L phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên gây gổ, đã nhiều lần sống ly thân rồi hàn gắn rồi tiếp tục mâu thuẫn. Ông T cương quyết ly hôn với bà L và bà L cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn bà Quan T L của ông Nguyễn Đ T.

[4]. *Về con chung:* Ông Nguyễn Đ T và bà Quan T L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Đ S, sinh ngày 21/7/2006 và cháu Nguyễn T H, sinh ngày 21/12/2012. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/7/2023, cháu Nguyễn Đ S có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng ông Nguyễn Đ T; cháu Nguyễn T H có nguyện vọng được sống cùng bà Quan T L. Tại phiên tòa hôm nay, ông T và bà L cũng đồng ý với nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần thiết tiếp tục giao cháu Nguyễn Đ S cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn T H cho bà Quan T L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay, cả ông Nguyễn Đ T và bà Quan T L đều không có yêu cầu Tòa án xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. *Về tài sản chung:* Ngày 06/7/2023, bà Quan T L có đơn phản tố yêu

cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và Nguyễn Đ T là một căn nhà cất nhờ trên phần đất của chị ruột ông T là bà Nguyễn Thị T A, sinh năm 1966, ngụ tại số 182/4/2 ĐT, Phường C, Quận X, TP. HCM. Căn nhà cất vào khoảng năm 2021, tọa lạc tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, kết cấu là nhà tiền chế hiện đang kinh doanh quán cơm. Bà L yêu cầu ông T hoàn lại ½ giá trị căn nhà cho bà, tương đương số tiền là 60.000.000 đồng. Lời trình bày của bà L không được ông Nguyễn Đ T và bà Nguyễn Thị Tt A thừa nhận.

Đồng thời, ngày 25/7/2023, Tòa án đã ban hành Thông báo số 01/TB-TA để yêu cầu bà Quan T L nộp đơn yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá để xem xét thẩm định và định giá tài sản tranh chấp và nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản. Bà L chỉ nộp đơn yêu cầu thẩm định, định giá tài sản nhưng không nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà L. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp, bà L có thể khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. *Về nợ chung:* Tại phiên tòa, cả ông T và bà Lthống nhất không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. *Về án phí:*

[7.1]. Ông Nguyễn Đ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.2]. Hoàn trả lại cho bà Quan T L số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Khoản 3 Điều 218 và Khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 217, 218, 219, 228, 244, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đ T. Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Đ T và bà Quan T L.

2. *Về con chung:* Giao một con chung giữa ông Nguyễn Đ T và bà Quan T L là cháu Nguyễn Đ S, sinh ngày 21/7/2006 cho ông Nguyễn Đ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao một con chung giữa ông Nguyễn Đ T và bà Quan T L là cháu Nguyễn T H, sinh ngày 21/12/2012 cho bà Quan T L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T và bà L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Đ T và bà Quan T L chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

3. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của bà Quan T L.

4. *Về án phí:*

Ông Nguyễn Đ T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí ông Tùng đã nộp theo biên lai thu số 0020131 ngày 14/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, xem như ông Tùng đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Quan T L số tiền 1.250.000 đồng *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu 0020172 ngày 06/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Ông T và bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bà A và ông V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND Phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu